

BỘ NỘI VỤ

Số: 833 /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ VIII (2020 - 2025) của Hội thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ VH,TT&DL;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng



**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 833 /QĐ-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
2. Tên đầy đủ tiếng Việt: Hội những người sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam.
3. Tên tiếng Anh: Association of Vietnamese Folklorists.
4. Tên viết tắt tiếng Anh: AVF.
5. Biểu tượng (logo): Hội có biểu tượng riêng, Biểu tượng này đã được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến, truyền dạy văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam.

2. Mục đích hoạt động của Hội là tập hợp, đoàn kết công dân Việt Nam hoạt động về văn hóa văn nghệ dân gian nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ hội viên hoạt động hiệu quả, để giữ gìn, phát huy, kế thừa những tinh hoa văn hóa văn nghệ dân gian phong phú, quý báu của các dân tộc, địa phương trong cả nước; mở rộng các hoạt động giao lưu trong nước và quốc tế về di sản tinh hoa văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội: số 66, đường Nguyễn Văn Huyền, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Hội

1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động;
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 6. Mối quan hệ của Hội

1. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

2. Hội phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan ở Trung ương và địa phương để thực hiện chương trình, nhiệm vụ theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Hội quan hệ trao đổi, hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tương ứng và người Việt Nam ở nước ngoài hoạt động về văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam và thế giới, trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 7. Quyền hạn

1. Quản lý hội viên và tổ chức thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Hợp tác với các tổ chức quốc tế tương ứng của các nước trên thế giới theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và thông lệ quốc tế về hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian.

3. Tạo điều kiện để các tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài tìm hiểu, thưởng thức, đóng góp về văn hóa văn nghệ dân gian của dân tộc Việt Nam và hướng quan tâm của các tổ chức, công dân này về Tổ quốc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật; đề xuất và kiến nghị với Đảng,

Nhà nước về chế độ, chính sách đối với hội viên và sự nghiệp gìn giữ, kế thừa, phát huy vốn văn hóa văn nghệ dân gian.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

6. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

7. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định những vấn đề tài chính, tài sản của Hội theo quy định của pháp luật.

9. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng, được ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng cũng như những ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

10. Khen thưởng và kỷ luật đối với hội viên và tổ chức thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

11. Thành lập pháp nhân thuộc Hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động, tôn chỉ, mục đích và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ

1. Hội thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao trong việc bảo vệ (sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến, truyền dạy) các di sản văn hóa, văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam theo quy định của Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên, tổ chức những hoạt động văn nghệ dân gian Việt Nam nhằm gìn giữ, phát huy và kế thừa những tinh hoa văn hóa, văn nghệ dân gian phong phú, quý báu của các dân tộc trong cả nước, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

4. Phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan ở Trung ương và địa phương thực hiện các chương trình, đề tài sưu tầm văn hóa văn nghệ dân gian theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Thực hiện theo đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

7. Thực hiện tư vấn, phản biện, giám định xã hội về văn hóa văn nghệ dân gian theo quy định của pháp luật.

8. Đề xuất với Đảng, Nhà nước các cơ chế, chính sách trong việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ và phát huy những giá trị di sản văn hóa văn nghệ dân gian theo quy định của pháp luật.

9. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

10. Xây dựng và ban hành các quy chế, quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam, có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Là công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu phổ biến, truyền dạy văn hóa văn nghệ dân gian chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp;

b) Phải có ít nhất từ 02 (hai) đến 03 (ba) bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành Trung ương hoặc công trình sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian;

c) Là người có tinh thần yêu nước, có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết xây dựng Hội;

d) Các trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành quyết định phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được cấp thẻ hội viên, được Hội giúp đỡ thực hiện các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian hợp pháp, được tham dự các giải

thường hằng năm của Hội theo quy định của Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

2. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội; được giới thiệu hội viên mới.

3. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật, được hưởng các quyền lợi vật chất, tinh thần theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

4. Có quyền phê bình, chất vấn các cá nhân lãnh đạo và các cơ quan, tổ chức chuyên môn của Hội và yêu cầu được trả lời những nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

5. Có quyền đề nghị bằng văn bản được ngừng sinh hoạt Hội theo quy định của Hội.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tích cực đóng góp vào việc gìn giữ, phát huy, kế thừa vốn văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội.

3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển, vững mạnh.

4. Luôn có ý thức, hành động mở rộng ảnh hưởng, bảo vệ và nâng cao uy tín của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

6. Bồi dưỡng và giới thiệu hội viên mới.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

8. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

Điều 12. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Công dân Việt Nam có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này muốn gia nhập Hội phải tự nguyện viết đơn, làm hồ sơ theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định, Hồ sơ xin vào Hội gồm:

- Đơn xin vào Hội có xác nhận và giới thiệu của hai hội viên. Nơi có Chi hội cần có văn bản đề nghị của Chi hội trưởng;

- Bản sơ yếu lý lịch (nêu rõ quá trình, thành tích hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian) có chứng nhận của cơ quan đang làm việc hoặc chính quyền nơi thường trú, kèm theo bản chụp toàn bộ (hoặc một phần đối với trường hợp quá nhiều số trang) những tiểu luận, công trình về văn hóa văn nghệ dân gian công bố.

b) Trình tự kết nạp hội viên: ở những nơi có Chi hội thì Chi hội giới thiệu đề nghị Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp. Ở những nơi chưa có Chi hội thì Ban Chấp hành Hội trực tiếp xem xét kết nạp hội viên, nhưng vẫn phải có 02 (hai) hội viên của Hội giới thiệu. Hội viên phải tham gia sinh hoạt ở một Chi hội.

c) Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên phải được trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

2. Thủ tục ra khỏi Hội

a) Hội viên muốn ra khỏi Hội tự nguyện làm đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định cho ra khỏi Hội.

b) Hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội thì Ban Chấp hành Hội sẽ xem xét, quyết định cho ra khỏi Hội.

c) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể quy trình, thủ tục cho hội viên ra khỏi Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d) Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Chấp hành Hội ra quyết định.

đ) Hội viên ra khỏi Hội phải trả lại thẻ hội viên cho Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, Chi hội, Hội đồng Khoa học.
6. Các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu toàn quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác và kinh phí hằng năm của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội, Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/4 (một phần tư) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần (theo định kỳ 06 tháng một lần), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

4. Ủy viên Ban Chấp hành là những hội viên có nhiệt tình đóng góp cho sự nghiệp của Hội, có năng lực chuyên môn, uy tín, khả năng và điều kiện điều hành công tác Hội, được Đại hội tín nhiệm bầu ra theo quy định. Ngoài việc tham gia lãnh đạo tập thể, mỗi ủy viên Ban Chấp hành được phân công chịu trách nhiệm từng phần việc của Hội.

5. Trong nhiệm kỳ công tác, nếu khuyết Ủy viên Ban Chấp hành, theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành được bầu bổ sung bằng phiếu kín. Người được bổ sung phải được trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

6. Việc miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ phải được trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành và phải thông báo ngay cho hội viên, chi hội và các tổ chức thuộc Hội.

7. Trong phiên họp đầu tiên, người có số phiếu cao nhất được quyền triệu tập họp Ban Chấp hành để bầu Ban Thường vụ và Chủ tịch, trường hợp hai người trở lên có số phiếu bằng nhau thì người có tuổi Hội cao hơn có quyền triệu tập họp. Sau đó Chủ tịch Hội điều hành phiên họp để bầu các Phó Chủ tịch.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập, tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội. **LuatVietnam**

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định. Kết quả các cuộc họp Ban Thường vụ phải được thông báo đến các ủy viên Ban Chấp hành;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Trong nhiệm kỳ công tác, nếu khuyết ủy viên Ban Kiểm tra, theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm tra, Ban Chấp hành bầu bổ sung. Người được bổ sung phải được trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; Luật Việt Nam

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Là chủ tài khoản của Hội; quản lý tài sản, tài chính của Hội;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội hoặc Ủy viên Ban Thường vụ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội trong phạm vi công việc và thời hạn nhất định.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội và phải được trên 2/3 (hai phần ba) số phiếu tán thành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Hội đồng Khoa học

1. Hội đồng Khoa học của Hội gồm những nhà khoa học có trình độ và uy tín chuyên môn cao, thuộc các lĩnh vực hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian và các lĩnh vực liên quan, được Chủ tịch Hội ra Quyết định thành lập theo Nghị quyết của Ban Chấp hành nhằm tư vấn cho Chủ tịch Hội theo từng lĩnh vực chuyên môn. Chủ tịch Hội trực tiếp làm Chủ tịch Hội đồng Khoa học.

2. Hội đồng Khoa học tư vấn cho Chủ tịch Hội xét tài trợ, xét giải thưởng hàng năm theo Quy chế được Ban Chấp hành thông qua.

Điều 20. Văn phòng, Chi hội và tổ chức thuộc Hội

1. Văn phòng Hội:

a) Văn phòng Hội là bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành điều hành các hoạt động của Hội. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành quy định theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

b) Cán bộ, nhân viên Văn phòng Hội được tuyển dụng, làm việc theo quy định của pháp luật.

2. Chi hội:

a) Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập. Ở các tỉnh, thành phố có từ 03 (ba) hội viên trở lên được thành lập Chi hội;

b) Chi hội bầu ra Chi hội trưởng, nếu Chi hội có 05 (năm) hội viên trở lên có thể bầu Chi hội phó; trường hợp Chi hội có nhiều hội viên có thể bầu Ban Chấp hành Chi hội để tổ chức, điều hành hoạt động của Chi hội;

c) Ở những địa phương chưa đủ điều kiện thành lập Chi hội, các hội viên đăng ký sinh hoạt ở Chi hội gần nhất; trường hợp đặc biệt, hội viên liên lạc trực tiếp với Ban Thường vụ để được hướng dẫn sinh hoạt Hội;

d) Ban Chấp hành Chi hội có nhiệm vụ quản lý hội viên, tổ chức các hoạt động chuyên môn, triển khai các nghị quyết, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Nhiệm kỳ của Chi hội là 05 (năm) năm.

3. Các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành Hội quy định.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hằng năm do hội viên đóng;
- Thu từ các hoạt động dịch vụ hợp pháp của Hội và các nguồn thu do các đơn vị trực thuộc Hội đóng góp theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;
- Tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, ủng hộ theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện các nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội: tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và sự nghiệp gìn giữ, kế thừa, phát huy nền văn hóa văn nghệ dân gian Việt

Nam được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, Quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, để cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hội phê duyệt.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ VIII (2020 - 2025) của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2020 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội, Ban Chấp hành Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.